HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25 /NQ-HĐND	*Yên Thế, ngày 21 tháng 12 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ KHÓA XXI
KÌ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2017 với tổng diện tích 168,33ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: Chuyển mục đích nội bộ đất nông nghiệp 20,62ha.

- Đất phi nông nghiệp 147,71ha, trong đó: Đất an ninh 3,8ha; đất thương mại, dịch vụ 5,5ha; đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 0,65ha; đất cụm công nghiệp 1,0ha; đất công trình năng lượng 83,0ha; đất di tích lịch sử 0,1ha; đất giao thông 1,33ha; đất thủy lợi 1,2ha; đất công trình bưu chính, viễn thông là 0,05ha; đất giáo dục đào tạo là 0,6ha; đất văn hóa 1,3ha; đất thể dục, thể thao 2,1ha; đất ở nông thôn 28ha; đất ở đô thị 3,08ha; đất trụ sở cơ quan 0,9ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,5ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 14,6ha.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao cho UBND huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với HĐND theo quy định.

Thường trực HĐND, các ban HĐND, các đại biểu HĐND huyện phối hợp với Ủy ban MTTQ, các đoàn thể nhân dân tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Yên Thế khóa XXI, kỳ họp thứ ba thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- VP đoàn DDBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện;
- Các ban HĐND, các đại biểu HĐND huyện
- Các cơ quan, ban ngành đoàn thể huyện
- HĐND,UBND các xã, thị trấn
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ BẮC GIANG

Lưu Xuân Vượng

CHỮ KÝ SỐ CQNN TỈNH BẮC GIANG
Hội đồng Nhân dân huyện Yên Thế
Ngày: 10/01/2017 15:31:30
Tỉnh Bắc Giang

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 HUYỆN YÊN THẾ

(Kèm theo Nghị quyết số: 25 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của HĐND huyện Yên Thế)

Đơn vị tính: ha

	Công trình, dự án	MÃ LĐ	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm													Địa điểm (đến cấp thôn, bản)	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng từ loại đất (hiện trạng)													
						LUA	CHN	CLN	RSX	NTS	SKC	DGD	TSC	DGT	DTL	NTD	DCH		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18	19
A	**QUY HOẠCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP**																		
1	**Đất nông nghiệp**		**20,62**		20,62		0,30		20,32										
-	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,50		0,50		0,30		0,20									Thôn Bo Non, Hương Vĩ	
-	Đất trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả	NKH	4,50		4,50				4,50									Bản Ven, Xuân Lương	
-	Đất trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả	NKH	9,52		9,52				9,52									Thị Cùng, Tam Tiến	
-	Đất trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả	NKH	0,60		0,60				0,60									Bản Thái Hà, Đồng Vương	
-	Đất trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả	NKH	5,50		5,50				5,50									Bản Đồng An, Đồng Tiến	
B	**QUY HOẠCH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**																		
1	**Đất an ninh**		3,80		3,80	2,50		0,82			0,48								
-	Trụ sở Công an huyện Yên Thế, phố Đề Nắm	CAN	3,50		3,50	2,50		0,82			0,18							TT Cầu Gồ	
-	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế	CAN	0,30		0,30						0,30							TT Cầu Gồ	
2	**Đất thương mại, dịch vụ**		5,50		5,50	5,50													
-	Công trình trung tâm thương mại Xã Xuân Lương	TMD	5,50		5,50	5,50												Bản Làng Dưới, Xuân Lương	
3	**Đất cơ sở SXKD**		0,65		0,65	0,50			0,15										
-	Công ty MTV Lâm nghiệp YT, phố Đề Nắm	SKC	0,50		0,50	0,50												Phố Đề Nắm, TT Cầu Gồ	
-	Đất cơ sở SXKD thôn Cổng Châu	SKC	0,15		0,15				0,15									Đồng Hưu	

	Công trình, dự án	MÃ LĐ	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm													Địa điểm (đến cấp thôn, bản)	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng từ loại đất (hiện trạng)													
						LUA	CHN	CLN	RSX	NTS	SKC	DGD	TSC	DGT	DTL	NTD	DCH		
4	**Đất Cụm CN**	SKN	1,00		1,00			1,00											
-	Cụm công nghiệp Cầu Gồ	SKN	1,00		1,00			1,00										Thôn Liên Cơ, xã Đồng Tâm	
5	**Đất công trình năng lượng**		83,00		83	7			76										
-	Nhà máy phát điện năng lượng mặt trời	DHT	83,00		83,00	7,00			76,00									Bản Trại Nấm, xã Đồng Tiến	
6	**Đất có di tích lịch sử - văn hóa**		0,10		0,10			0,10											
-	Mở rộng khôn viên chùa Lèo thôn Thành Chung	DDT	0,10		0,10			0,10										Phồn Xương	
7	**Đất giao thông**		1,33		1,33	0,98	0,10	0,15	0,10										
-	Xây mới đường giao thông thôn Trại Cả	DHT	0,13		0,13	0,13												Đồng Lạc	
-	Đất giao thông	DHT	0,10		0,10		0,10											Thôn Chùa, Hương Vĩ	
-	Đất Giao thông 10 thôn	DHT	0,50		0,50	0,50												Tân Sỏi	
-	Đất giao thông Từ nhà văn hóa Rừng chiềng – Rừng Cấm dài 1.5 km	DHT	0,20		0,20	0,05		0,05	0,10									Tiến Thắng	
-	Cứng hóa đường bê tông bản Nam Cầu	DHT	0,20		0,20	0,10		0,10										Bản Nam Cầu, Xuân Lương	
-	Đường nội đồng bản Làng Trên	DHT	0,20		0,20	0,20												Bản Làng Trên, Xuân Lương	
8	**Đất thủy lợi**		1,20		1,20	1,20													
-	Đất thuỷ Lợi 10 thôn	DHT	0,20		0,20	0,20												Tân Sỏi	
-	Hệ thống tưới nước vùng chè nguyên liệu bản Ven	DHT	1,00		1,00	1,00												Bản Ven, Bản Thượng Đồng, xã Xuân Lương	
10	**Đất công trình BCVT**		0,05		0,05	0,05													

	Công trình, dự án	MÃ LĐ	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm													Địa điểm (đến cấp thôn, bản)	Ghi c
					Diện tích	Sử dụng từ loại đất (hiện trạng)													
						LUA	CHN	CLN	RSX	NTS	SKC	DGD	TSC	DGT	DTL	NTD	DCH		
-	Trạm phát sóng vinaphone	DHT	0,05		0,05	0,05												Bản Xoan, xã Xuân Lương	
11	**Đất cở sở giáo dục - đào tạo**		0,60		0,60	0,50		0,10											
-	Mở rộng trường trung học Hoàng Hoa Thám	DHT	0,50		0,50	0,50												Phố Đề Nắm, TT Cầu Gồ	
-	Trường Mầm non Đông Sơn 2 thôn Đồi Hồng	DHT	0,10		0,10			0,10										Thôn Đồi Hồng, Đông Sơn	
12	**Đất văn hóa**		1,30		1,30	0,75	0,50							0,05					
-	Nhà Văn Hóa thôn Đồng Lân	DHT	0,40		0,40		0,35							0,05				Đồng Kỳ	
-	Nhà Văn Hóa Thôn Trại Chuối 2	DHT	0,07		0,07	0,07												Đồng Kỳ	
-	Nhà Văn Hóa Thôn Đồng Tâm	DHT	0,15		0,15	0,15												Đồng Kỳ	
-	Nhà Văn Hóa Thôn Ngò 2	DHT	0,33		0,33	0,33												Đồng Kỳ	
-	Nhà văn hóa thôn Tiến Thịnh	DHT	0,15		0,15		0,15											Tiến Thắng	
-	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Chẽ	DHT	0,20		0,20	0,20												Phồn Xương	
13	**Đất thể dục - thể thao**		2,10		2,10	0,90	1,20												
-	Sân vận động khu B	DHT	0,70		0,70	0,70												Bản Ven, Bản Thượng Đồng, Nghè, xã Xuân Lương	
-	Sân thể thao thôn Chẽ	DHT	0,20		0,20	0,20												Phồn Xương	
	Sân thể thao thôn Chùa(trung tâm)	DHT	1,00		1,00		1,00											Phồn Xương	
	Mở rộng sân thể thao thôn Mạc	DHT	0,20		0,20		0,20											Phồn Xương	
14	**Đất ở nông thôn**		28,00		28,00	11,90	5,40	4,75	0,30	1,00		0,05		1,50	0,60	0,40	2,10		
-	Khu dân cư thôn Tân An, Lan Thượng	ONT	0,60		0,60	0,50			0,10									An Thượng	
-	Đất ở nông thôn Cổng Châu	ONT	0,30		0,30			0,10	0,20									Đồng Hưu	

	Công trình, dự án	MÃ LĐ	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm													Địa điểm (đến cấp thôn, bản)	Ghi c
					Diện tích	Sử dụng từ loại đất (hiện trạng)													
						LUA	CHN	CLN	RSX	NTS	SKC	DGD	TSC	DGT	DTL	NTD	DCH		
-	Đất dân cư đấu giá QSDĐ thôn Cống Huyện	ONT	0,20		0,20	0,20												Đồng Kỳ	
-	Đất dân cư đấu giá QSDĐ thôn Thiều	ONT	0,50		0,50	0,50												Đồng Lạc	
-	Đất dân cư đấu giá QSDĐ thôn Chi Chòe	ONT	0,75		0,75	0,75												Đồng Lạc	
-	Đất dân cư đấu giá QSDĐ thôn Yên Thế	ONT	0,30		0,30	0,30												Tam Hiệp	
-	Đất dân cư đấu giá QSDĐ thôn Tân An	ONT	0,25		0,25	0,25												Tân Sỏi	
-	Đất dân cư đấu giá QSDĐ bản Na Lu	ONT	0,50		0,50	0,50												Bản Na Lu, Xuân Lương	
-	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ	ONT	0,15		0,15			0,15										Đông Sơn	
-	Xây dựng điểm dân cư mới tại thôn Hồi	ONT	0,40		0,40		0,40											Phồn Xương	
-	Xây dựng điểm khu dân cư mới Phồn Xương	ONT	18,30		18,30	8,30	2,00	4,50		1,00				1,50	0,60	0,40		Phồn Xương	
-	Thanh lý lài sản nhà mẫu giáo cũ gắn liền với đất thôn Đồng Quán (500m2)	ONT	0,05		0,05							0,05						Bố Hạ	
-	Chuyển mục đích sang đất ở nhỏ lẻ xã Tam Tiến	ONT	1,00		1,00		1,00											Tam Tiến	
-	Chuyển mục đích sang đất ở nhỏ lẻ xã Canh Nậu	ONT	1,00		1,00		1,00											Canh Nậu	
-	Chuyển mục đích sang đất ở nhỏ lẻ xã Đồng Tâm	ONT	1,00		1,00		1,00											Đồng Tâm	
-	Chuyển mục đích sử dụng đất lúa xen kẹt, canh tác không hiệu quả sang đất ở	ONT	0,60		0,60	0,60												trấn trong huyện	
-	Khu nhà ở thôn Đồng Quán	ONT	2,10		2,10													Bố Hạ	
15	**Đất ở đô thị**		3,08		3,08	2,90						0,03	0,15				2,10		
-	Đất dân cư đấu giá QSDĐ thị trấn Cả Trọng	ODT	0,40		0,40	0,40												TT Cầu Gồ	

	Công trình, dự án	MÃ LĐ	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm													Địa điểm (đến cấp thôn, bản)	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng từ loại đất (hiện trạng)													
						LUA	CHN	CLN	RSX	NTS	SKC	DGD	TSC	DGT	DTL	NTD	DCH		
-	Đất dân cư đấu giá QSDĐ phố Hoàng Hoa Thám (TNMT, TCKH)	ODT	0,15		0,15								0,15					TT Cầu Gồ	
-	Thanh lý tài sản nhà mẫu giáo cũ gắn liền với đất phố Bà Ba	ODT	0,03		0,03							0,03						TT Cầu Gồ	
-	Khu dân cư mới thị trấn Bố Hạ	ODT	2,50		2,50	2,50												TT Bố Hạ	
16	**Đất trụ sở cơ quan**		0,90		0,90	0,60							0,30						
-	Xây trụ sở Chi cục THADS huyện	TSC	0,30		0,30	0,30												Thôn Yên Thượng, xã Tam Hiệp	
-	Bảo hiểm xã hội huyện Yên Thế	TSC	0,30		0,30	0,30												TT Cầu Gồ	
-	Xây dựng trụ sở Chi cục Thuế	TSC	0,30		0,30								0,30					TT Cầu Gồ	
17	**Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**		0,50		0,50		0,50												
-	Mở rộng nghĩa trang thôn Bờ Mận	NTD	0,30		0,30		0,30											Thôn Bờ Mận, Hương Vĩ	
-	Nghĩa địa thôn Chè, yên cư	NTD	0,20		0,20		0,20											Tân Sỏi	
18	**Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**		**14,60**		14,60		0,20	2,90	11,50										
-	Cơ sở sản xuất kinh doanh VLXD bản Làng Dưới	SKX	1,00		1,00			1,00										Bản Làng Dưới, Xuân Lương	
-	Đất vật liệu xây dựng	SKX	0,20		0,20		0,20											Thôn Bờ Mận, Hương Vĩ	
-	Đất vật liệu xây dựng thôn Đồng Tân	SKX	10,00		10,00				10,00									Đồng Vương	
-	Đất vật liệu xây dựng	SKX	1,90		1,90			1,90										Thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn	
-	Đất vật liệu xây dựng thôn Trại Mới	SKX	1,50		1,50				1,50									Đồng Hưu	

	Công trình, dự án	MÃ LĐ	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm													Địa điểm (đến cấp thôn, bản)	Ghi chú
					Diện tích	Sử dụng từ loại đất (hiện trạng)													
						LUA	CHN	CLN	RSX	NTS	SKC	DGD	TSC	DGT	DTL	NTD	DCH		
Tổng huyện			168,33		168,33	35,28	8,20	9,82	108,37	1,00	0,48	0,08	0,45	1,55	0,60	0,40	2,10		